

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SƠN LA  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HS-ST

Ngày: 05-3-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phượng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Duy Khương.

2. Ông Quàng Văn Hặc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cà Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Tiến Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

**Hà Thanh B** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 13 tháng 10 năm 1960 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi ĐKNKTT: Tổ 0, phường Chiềng S, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: Tổ 0, phường Chiềng S, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 10/10; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Đảng viên (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 62-QĐ/UBKTTU ngày 25/01/2019 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy Sơn La); con ông Hà Văn Ch (đã chết) và bà Cầm Thị Th, sinh năm 1935; có vợ là bà Trần Thị Mai H, sinh năm 1962 và 02 con (con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1989); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

**Người bị hại:** Bà Trần Thị H, sinh năm 1966 - trú tại: Xóm Đoàn K, xã Chiềng H, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Anh Ph (tên gọi khác: Nguyễn Trọng Ph), sinh năm 1960 - trú tại: Tổ 0, phường Chiềng S, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết từ trước với bà Trần Thị H, sinh năm 1962 - trú tại: xóm Đoàn K, xã Chiềng H, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, khoảng tháng 04/2016, Hà Thanh B gặp bà H tại thành phố Sơn La. Qua nói chuyện, B biết bà H có con trai là Lê Quang H, hiện đang là chiến sỹ thực hiện nghĩa vụ trong ngành Công an có nhu cầu muốn xin xét chuyển từ chế độ thực hiện nghĩa vụ sang chế độ phục vụ chuyên nghiệp. B nảy sinh ý định lừa dối để chiếm đoạt tiền của bà H bằng thủ đoạn nhận tiền để xin xét chuyển chuyên nghiệp cho H. Mặc dù không quen biết ai có khả năng xin chuyển sang phục vụ chuyên nghiệp trong ngành công an cho chiến sỹ nghĩa vụ, nhưng Hà Thanh B nói với bà H là bản thân B có mối quan hệ quen biết với lãnh đạo trong Bộ Công an và có khả năng xin chuyển chuyên nghiệp vào ngành Công an cho H với giá tiền 350.000.000,đ (ba trăm năm mươi triệu đồng), đặt cọc trước 50.000.000,đ (năm mươi triệu đồng), khi nào H nhận quyết định chuyển chuyên nghiệp thì đưa nốt số tiền 300.000.000,đ (ba trăm triệu đồng) còn lại. Bà Trần Thị H tin tưởng và đồng ý nhờ B xin xét chuyển chuyên nghiệp cho H với điều kiện B đặt ra.

Đầu tháng 5/2016, Hà Thanh B đến nhà bà Trần Thị H tại xóm Đoàn K, xã Chiềng H, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La để hướng dẫn bà H làm hồ sơ xin xét chuyển chuyên nghiệp cho Lê Quang H. Sau khi làm xong hồ sơ, bà H đưa cho B 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông và 01 giấy khai sinh đều mang tên Lê Quang H để cho vào hồ sơ và hẹn B vài ngày sau sẽ có người mang tiền đến nhà cho B, B đồng ý và cầm hồ sơ về. Sau đó bà H đã nhờ cháu họ là Trần Văn L, sinh năm 1992 - trú tại: xã Yên S, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La mang tiền đến nhà đưa cho B, lần thứ nhất đưa 20.000.000,đ (hai mươi triệu đồng), lần thứ hai đưa 30.000.000,đ (ba mươi triệu đồng) trong tháng 5/2016 (bà Trần Thị H và bị cáo B không nhớ rõ ngày cụ thể đưa và nhận tiền).

Sau khi nhận tiền, Hà Thanh B không sử dụng số tiền trên để xin chuyển chuyên nghiệp vào ngành Công an cho Lê Quang H như đã thỏa thuận mà sử dụng để kinh doanh thuốc tân dược nhưng đã thua lỗ hết nên không có tiền trả cho bà Trần Thị H. Đến tháng 9/2016, không thấy H có Quyết định chuyển chuyên nghiệp, bà Trần Thị H đã nhiều lần đến nhà B đòi tiền nhưng B không trả. Sau đó một thời gian bà H nhờ anh rể là ông Nguyễn Anh Ph, sinh năm 1960 - trú tại: tổ 0, phường Chiềng S, thành phố Sơn La đến nhà B đòi số tiền 50.000.000,đ (năm mươi triệu đồng) đã đưa cho B. Khoảng tháng 9/2017, Hà Thanh B đã đưa cho ông Ph 3.000.000,đ (ba triệu đồng) để trả tiền cho bà H. Số tiền còn lại 47.000.000,đ (bốn mươi bảy triệu đồng) đến nay B vẫn chưa trả cho bà Trần Thị H.

Ngày 01/02/2018, bà Trần Thị H có đơn đề nghị gửi Công an thành phố Sơn La điều tra làm rõ hành vi nhận tiền của Hà Thanh B, gửi kèm:

+ 01 giấy cam kết trả nợ ngày 25/02/2017 (trong giấy Hà Thanh B hứa

ngày 30/3/2017 trả nợ, có chữ ký của Hà Thanh B).

+ 01 giấy cam kết trả nợ do Nguyễn Anh Ph soạn thảo (có 02 chữ ký của B và vợ là Trần Thị Mai H).

Ngày 01/3/2018, ông Nguyễn Anh Ph, sinh năm 1960 - trú tại: tổ 02, phường Chiềng S, thành phố Sơn La giao nộp tại cơ quan công an 01 thẻ nhớ nhãn hiệu Transcend 1GB bên trong chứa 01 file đề tên: Ghi âm ngày 25/2/2017 nội dung cuộc trao đổi giữa Trần Thị H và Hà Thanh B.

Ngày 16/4/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La ra Quyết định số 311 trưng cầu phòng Kỹ thuật hình sự (PC54) - Công an tỉnh Sơn La giám định chữ viết và chữ ký trong Giấy cam kết trả nợ ghi ngày 25/02/2017 (ký hiệu A1) và Giấy cam kết trả nợ (ký hiệu A2) đã thu giữ của bà Trần Thị H so với chữ viết, chữ ký của Hà Thanh B trong mẫu gửi giám định ký hiệu M1, M2, M3 có phải là chữ ký, chữ viết của cùng một người.

Kết luận giám định số 214 ngày 24/4/2018 của phòng Kỹ thuật hình sự (PC54) - Công an tỉnh Sơn La kết luận:

“Chữ ký mang tên Hà Thanh B trên tài liệu cần giám định, ký hiệu A1, A2 với chữ ký của Hà Thanh B trên tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu M1, M2, M3 là chữ ký của cùng một người.

Chữ viết trên tài liệu cần giám định, ký hiệu A1 với chữ viết của Hà Thanh B trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2, M3 là chữ viết của cùng một người.

Chữ viết trên tài liệu cần giám định, ký hiệu A2 với chữ viết của Hà Thanh B trên tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu M1, M2 không phải là chữ viết của cùng một người.

Chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 là chữ ký, chữ viết trực tiếp”.

Ngày 28/5/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La ra Quyết định số 723 trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, giám định tiếng nói trong file thu âm tạm giữ của ông Nguyễn Anh Ph có phải tiếng nói của Hà Thanh B hay không?

Kết luận giám định số 3568/C54(P6) ngày 15/8/2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận: Tiếng nói của người nam giới được gọi là “anh Bằng” trong mẫu cần giám định (ký hiệu “B” trong Bản dịch nội dung) và tiếng nói của Hà Thanh B trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Đối với bộ hồ sơ xin chuyển chuyên nghiệp mang tên Lê Quang H, Hà Thanh B đã trả lại cho bà Trần Thị H 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông và 01 giấy khai sinh (bị cáo B và bà H không nhớ B đã trả vào thời gian nào), những tài liệu khác trong hồ sơ B khai nhận đã làm thất lạc.

Do có hành vi nêu trên tại bản cáo trạng số: 182/CT-VKS ngày 25/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La đã truy tố bị cáo Hà Thanh B về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình

sự năm 1999.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay, bị cáo Hà Thanh B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La đã truy tố và thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là đúng người, đúng tội.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La giữ quyền công tố tại phiên toà trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cũng như qua xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Hà Thanh B phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Hà Thanh B từ 20 đến 26 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Chấp nhận việc bị cáo Hà Thanh B đã bồi thường cho người bị hại bà Trần Thị H số tiền 2.400.000,đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Chấp nhận yêu cầu của người bị hại bà Trần Thị H: Buộc bị cáo Hà Thanh B bồi thường cho người bị hại bà Trần Thị H số tiền còn lại là 44.600.000,đ (bốn mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Hà Thanh B nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại: Đề nghị HĐXX xem xét buộc bị cáo Hà Thanh B bồi thường số tiền chiếm đoạt còn lại là 44.600.000,đ (bốn mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng). Ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Không có ý kiến gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về hoạt động điều tra, truy tố, đồng thời đã giải thích, tạo điều kiện để bị cáo và những người tham gia tố tụng khác thực hiện đúng, đủ các quyền và nghĩa vụ của họ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành

tổ tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: bị cáo Hà Thanh B không có khả năng xin cho chiến sỹ đang thực hiện nghĩa vụ sang chế độ phục vụ chuyên nghiệp trong ngành Công an nhân dân. Tháng 5/2016, bị cáo Hà Thanh B có hành vi dùng lời nói gian dối khiến bà Trần Thị H tin tưởng bị cáo có mối quan hệ với người có khả năng xét chuyển cho con trai bà H là Lê Quang H từ chiến sỹ thực hiện nghĩa vụ sang chế độ phục vụ chuyên nghiệp để chiếm đoạt số tiền 47.000.000,đ (bốn mươi bảy triệu đồng) của bà H.

Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án, bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ:

- Lời khai nhận tội của bị cáo;
- Đơn đề nghị và lời khai của người bị hại bà Trần Thị H; Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh Ph (tên gọi khác: Nguyễn Trọng Ph);

- Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Kết luận giám định số 214 ngày 24/4/2018 của phòng Kỹ thuật hình sự (PC54) - Công an tỉnh Sơn La; Kết luận giám định số 3568/C54(P6) ngày 15/8/2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với kết quả điều tra và vật chứng thu giữ.

Đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Hà Thanh B phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo Hà Thanh B phạm tội chiếm đoạt số tiền 47.000.000,đ (bốn mươi bảy triệu đồng); vi phạm tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, khung hình phạt có mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người bị hại được Nhà nước bảo vệ, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương. Do đó, cần lên mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Tuy nhiên khi áp dụng hình phạt cần cân nhắc về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

*Về nhân thân:* Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

*Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

*Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo không thể hiện thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tuy nhiên, bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bố của bị cáo là ông Hà Văn Ch là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[4] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, xét việc áp dụng hình phạt bổ sung không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Quá trình điều tra xác định, tháng 8/2018 bị cáo Hà Thanh B đã trực tiếp trả cho bà Trần Thị H số tiền 2.400.000,đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) (Bị cáo và bà Hải không nhớ rõ bị cáo Băng trả tiền cụ thể vào ngày nào).

Người bị hại bà Trần Thị H yêu cầu bị cáo Hà Thanh B bồi thường số tiền còn lại là 44.600.000,đ (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng). Xét thấy, yêu cầu của người bị hại bà Trần Thị H là hợp pháp, cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Do hành vi phạm tội của bị cáo nên buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 139; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999:

Tuyên bố bị cáo Hà Thanh B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Hà Thanh B 20 (hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

*Về trách nhiệm bồi thường dân sự:* Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999:

Chấp nhận việc bị cáo Hà Thanh B đã bồi thường cho người bị hại bà Trần Thị H số tiền 2.400.000,đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Hà Thanh B bồi thường cho người bị hại bà Trần Thị H số tiền còn lại là 44.600.000,đ (bốn mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

*Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1, khoản 3 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14: Buộc bị cáo Hà Thanh B phải chịu 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.230.000,đ (hai triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 05/3/2019)./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La (2);
- THADS thành phố Sơn La;
- Công an thành phố Sơn La;
- THAPT (2);
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Phụng**